

CẨM NANG

CÁC QUY ĐỊNH MỚI CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

Cẩm nang này giới thiệu các quy định pháp luật mới liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân trong các văn bản: (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân (Luật số 81/2025/QH15); (2) Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng (Nghị quyết số 225/2025/QH15); (3) Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam (Nghị quyết số 222/2025/QH15).

I. LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN (LUẬT SỐ 81/2025/QH15)

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 24/6/2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Luật này có các nội dung sửa đổi, bổ sung cơ bản sau đây:

1. Tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân

- Mô hình tổ chức hệ thống Tòa án chuyển từ mô hình 4 cấp (gồm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện) sang mô hình 03 cấp (gồm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực); kết thúc hoạt động của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện.

- Không tổ chức Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt về Phá sản, Sở hữu trí tuệ, Hành chính như một cấp Tòa án mà tổ chức thành các tòa chuyên trách tại một số Tòa án nhân dân khu vực tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

- Thành lập Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Như vậy, tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân gồm: Tòa án nhân dân tối cao, 34 Tòa án nhân dân cấp tỉnh (trong đó có 11 Tòa án nhân dân cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp; 23 Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thành lập sau sắp xếp), 355 Tòa án nhân dân khu vực trên cơ sở cơ cấu lại 693 Tòa án nhân dân cấp huyện; Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Thẩm quyền của các Tòa án nhân dân

Do mô hình tổ chức hệ thống Tòa án có sự thay đổi từ 04 cấp sang mô hình 03 cấp nên thẩm quyền của các Tòa án nhân dân đã được điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể như sau:

a) Tòa án nhân dân tối cao

- Bổ sung nhiệm vụ phúc thẩm các vụ án hình sự mà bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị.

- Bổ sung nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

- Giao Thẩm phán Tòa án nhân dân tại Tòa án nhân dân tối cao nhiệm vụ xét xử các vụ án, vụ việc, trả lời đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm theo phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

b) Tòa án nhân dân cấp tỉnh

- Bổ sung nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực.

- Thực hiện nhiệm vụ phúc thẩm vụ án, vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị.

- Thực hiện nhiệm vụ sơ thẩm vụ án hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt từ trên 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; vụ án hình sự nghiêm trọng, phức tạp khác.

- Chuyển nhiệm vụ sơ thẩm các vụ án hình sự về các tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt đến 20 năm tù; vụ án hành chính; vụ việc dân sự và các vụ việc khác cho Tòa án nhân dân khu vực trừ vụ việc về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc.

- Giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh thẩm quyền giải quyết đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc.

c) Tòa án nhân dân khu vực

- Xét xử theo thủ tục sơ thẩm các vụ án hình sự về các tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt đến 20 năm tù.

- Xét xử theo thủ tục sơ thẩm tất cả các vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trừ các vụ việc giải quyết đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

- Giao thẩm quyền giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm các vụ việc phá sản, sở hữu trí tuệ cho Tòa Phá sản, Tòa Sở hữu trí tuệ tại một số Tòa án nhân dân khu vực ở Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Cơ cấu tổ chức của các Tòa án nhân dân

Để phù hợp với thẩm quyền mới được điều chỉnh, cơ cấu tổ chức của các Tòa án nhân dân cũng có sự thay đổi đáng kể, cụ thể như sau:

a) Tòa án nhân dân tối cao

- Thành lập 03 Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao (đặt tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tăng số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao từ 13 đến 17 người lên thành từ 23 đến 27 người để đảm bảo đủ nguồn nhân lực giải quyết kịp thời, chất lượng đối với khối lượng công việc giám đốc thẩm, tái thẩm tăng thêm từ Tòa án nhân dân cấp cao chuyển về theo đúng chỉ tiêu, yêu cầu của Quốc hội.

b) Tòa án nhân dân cấp tỉnh

- Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân cấp tỉnh gồm: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh; các Tòa chuyên trách (Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động, Tòa Gia đình và người chưa thành niên); bộ máy giúp việc.

c) Tòa án nhân dân khu vực

- Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân khu vực gồm: các Tòa chuyên trách (Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Kinh tế, Tòa Hành chính, Tòa Gia đình và người chưa thành niên; Tòa Phá sản, Tòa Sở hữu trí tuệ tại một số Tòa án nhân dân khu vực); bộ máy giúp việc.

4. Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế

Nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp; tiếng nói, chữ viết dùng trong tố tụng, việc áp dụng pháp luật tại Tòa án chuyên biệt; Thẩm phán giải quyết tranh chấp và các nội dung khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án chuyên biệt do Quốc hội quy định.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại điểm b khoản 1 Điều 96 Luật hiện hành theo hướng bổ sung trường hợp người đang là Thẩm phán Tòa án nhân dân và có từ đủ 05 năm trở lên làm Vụ trưởng Vụ chuyên môn nghiệp vụ tại Tòa án nhân dân tối cao thì được xem xét bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận nhưng số lượng không quá 10% tổng số Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

6. Thành phần Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia

Theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15, trong thành phần Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia có các Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao. Do các Tòa án nhân dân cấp cao đã kết thúc hoạt động, nên Luật số 81/2025/QH15 đã bổ sung thành phần của Hội đồng gồm 01 thủ trưởng đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao là Thẩm phán Tòa án nhân dân, 01 Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, 01 Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chỉ định.

7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân tại các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ bầu Hội thẩm nhân dân tại khoản 1 Điều 124, khoản 1 Điều 125, khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 128 theo hướng:

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh đề xuất nhu cầu về số lượng, cơ cấu thành phần Hội thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lựa chọn và giới thiệu người đủ tiêu chuẩn để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân.

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

II. NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN, LUẬT TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN, CÁC LUẬT TỔ TỤNG VÀ LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN (NGHỊ QUYẾT SỐ 225/2025/QH15)

Nghị quyết số 225/2025/QH15 về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Nghị quyết này có các nội dung cơ bản sau đây:

1. Về tổ chức thi hành Luật

Nghị quyết quy định về trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong việc tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; trách nhiệm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

2. Quy định chuyển tiếp thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan đối với Tòa án nhân dân

Kể từ ngày 01/7/2025:

(1) Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ giải quyết, xét xử vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác mà Tòa án nhân dân cấp huyện đang giải quyết; những vụ việc mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Các Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

(2) Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giải quyết đơn, văn bản đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện đã có hiệu lực pháp luật; những vụ việc mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án nhân dân cấp tỉnh giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Đối với các vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh đang giải quyết trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong thì xử lý như sau:

a) Trường hợp Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu nhưng chưa thụ lý thì chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ giải quyết, trừ trường hợp Tòa án đã tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án và có yêu cầu công nhận kết quả hòa giải, đối thoại thành thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục xem xét, ra quyết định;

b) Trường hợp Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục giải quyết.

Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp kế thừa quyền, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh được sắp xếp theo quy định của pháp luật.

(3) Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ sau đây:

a) Giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự mà Tòa án nhân dân cấp cao đang giải quyết; những vụ việc mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm;

b) Phúc thẩm vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự đã được Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm mà có kháng cáo, kháng nghị;

c) Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản; đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao;

d) Giải quyết các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao.

(4) Chánh tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của luật.

(5) Tòa án nhân dân tối cao tiếp nhận nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã có hiệu lực pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện; kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện.

Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật về vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác; đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao.

Tòa án nhân dân tối cao kế thừa quyền, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp cao theo quy định của pháp luật.

(6) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được tổ chức theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đến khi có số lượng thành viên Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15.

(7) Hội thẩm nhân dân được bầu để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân khu vực.

Hội thẩm nhân dân được bầu để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xét xử cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân nhiệm kỳ mới. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng, danh sách Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ xét xử tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

(8) Thỏa thuận lựa chọn Tòa án có thẩm quyền đối với hoạt động trọng tài quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Trọng tài thương mại trước ngày 01/7/2025 thì Tòa án được lựa chọn hoặc Tòa án kế thừa quyền, trách nhiệm của Tòa án được lựa chọn có thẩm quyền giải quyết.

(9) Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao mà quyết định bị hủy đã xác định bị cáo có tội và đình chỉ vụ án vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm;

b) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao mà quyết định bị hủy đã xác định bị cáo có tội để điều tra lại nhưng sau đó bị can được đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm;

c) Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao mà quyết định bị hủy đã xác định bị cáo có tội để xét xử lại nhưng sau đó bị cáo được tuyên không có tội vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm.

(10) Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao.

3. Quy định chuyển tiếp thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật về tố tụng và luật khác có liên quan đối với Viện kiểm sát nhân dân

Kể từ ngày 01/7/2025:

(1) Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ giải quyết vụ án hành chính, vụ việc, vụ án hình sự, vụ việc dân sự và các vụ việc khác mà Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đang giải quyết; những vụ việc, vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Các Viện kiểm sát nhân dân khu vực kế thừa quyền, trách nhiệm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

(2) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện mà trước ngày 01/7/2025 thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Đối với các vụ án hành chính, vụ việc, vụ án hình sự, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân khu vực mà Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp tục giải quyết.

Các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp kế thừa quyền, trách nhiệm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được sắp xếp theo quy định của pháp luật.

(3) Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp nhận nhiệm vụ giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh mà trước ngày 01/7/2025 thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp huyện.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao kế thừa quyền, trách nhiệm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo quy định của pháp luật.

4. Quy định chuyển tiếp thi hành một số nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự

Kể từ ngày 01/7/2025:

(1) Đối với những vụ án do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã thụ lý, giải quyết trước ngày 01/7/2025 nhưng đến ngày 01/7/2025 chưa kết thúc thì được thực hiện các quy định mới về điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt, quy định về số hoá hồ sơ, chữ ký số, thông báo qua nền tảng số và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng hình sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 99/2025/QH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

(2) Trường hợp người bị kết án tử hình có đơn xin ân giảm gửi Chủ tịch nước trước ngày 01/7/2025 mà chưa có quyết định bác đơn xin ân giảm của Chủ tịch nước thì áp dụng quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng hình sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 99/2025/QH15 và thời điểm tính thời hạn để Chủ tịch nước xem xét quyết định ân giảm được xác định như sau:

a) Nếu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có ý kiến trình Chủ tịch nước thì thời hạn để Chủ tịch nước xem xét quyết định ân giảm được tính kể từ ngày 01/7/2025;

b) Nếu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chưa có ý kiến trình Chủ tịch nước thì thời hạn để Chủ tịch nước xem xét quyết định ân giảm được tính kể từ khi có ý kiến trình của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

III. NGHỊ QUYẾT VỀ TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM (NGHỊ QUYẾT SỐ 222/2025/QH15)

Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt nam (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 222/2025/QH15) có hiệu lực thi

hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025. Nghị quyết này có một số nội dung chính sau đây:

1. Trung tâm tài chính quốc tế

1.1. Trung tâm tài chính quốc tế: Là khu vực có ranh giới địa lý xác định do Chính phủ thành lập đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù riêng.

1.2. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế: Là chủ thể được ghi nhận là Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế theo hình thức đăng ký hoặc được công nhận Thành viên hoặc được cấp giấy phép thành lập, hoạt động theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bao gồm:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp tái bảo hiểm;

b) Quỹ đầu tư và quản lý tài sản;

c) Tổ chức hạ tầng thị trường;

d) Tổ chức công nghệ tài chính và tài sản số;

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ;

e) Tổ chức phi tài chính;

g) Các chủ thể khác theo quy định của Chính phủ.

1.3. Nguyên tắc thành lập, hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế

a. Hoạt động hiệu quả, minh bạch, liêm chính;

b. Chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ;

c. Áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động của các Thành viên.

1.4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

1.4.1. Hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế được điều chỉnh bởi:

a) Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

b) Pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp các văn bản quy định tại điểm a khoản này không quy định.

1.4.2. Lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài trong giao dịch đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế:

a) Đối với giao dịch có ít nhất một bên tham gia là cá nhân, tổ chức nước ngoài, các bên trong giao dịch được thỏa thuận lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài đối với giao dịch đó. Pháp luật nước ngoài không được áp dụng trong trường hợp hậu quả của việc áp dụng trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với giao dịch đó được áp dụng;

b) Đối với các giao dịch liên quan đến quyền sở hữu, quyền khác đối với bất động sản, thuê bất động sản hoặc sử dụng bất động sản làm tài sản bảo đảm, pháp luật của nước nơi có bất động sản sẽ được áp dụng.

1.4.3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật:

a) Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thì hành các nội dung của Nghị quyết này được áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề;

b) Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hơn hoặc thuận lợi hơn đối với Thành viên so với quy định tại Nghị quyết này thì Thành viên được áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi hơn hoặc thuận lợi hơn tại các luật, nghị quyết được ban hành sau;

c) Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

1.4.4. Quy chế hoạt động do Cơ quan điều hành ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị quyết này được ưu tiên áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Quy chế hoạt động đó.

1.4.5. Nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và ngăn chặn các yếu tố có thể đe dọa an ninh quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế có thể đưa ra các biện pháp hạn chế đối với Thành viên.

1.4.6. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ được ban hành Nghị định xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp, phiên họp gần nhất. Chính phủ ban hành Nghị định phải bảo đảm tuân thủ quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực, bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích người dân, doanh nghiệp, bảo đảm điều kiện thực thi và chịu trách nhiệm về các quy định ban hành

1.5. Ngôn ngữ áp dụng tại Trung tâm tài chính quốc tế

Ngôn ngữ chính thức trong quá trình giao dịch, hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

Các quy định, quy chế trong Trung tâm tài chính quốc tế được ban hành bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Tài liệu thống kê, tài chính, kỹ thuật và các tài liệu khác được lưu trữ tại

Trung tâm tài chính quốc tế bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

Thủ tục hành chính, giao dịch giữa các Thành viên, giao dịch giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân nước ngoài và giải quyết tranh chấp được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

2. Các cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

1) Cơ quan điều hành có chức năng quản lý, điều hành trực tiếp mọi hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế;

2) Cơ quan giám sát có chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế;

3) Cơ quan giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế:

4) Tòa án chuyên biệt được thành lập theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

5) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, được thành lập theo quy định tại Luật Trọng tài thương mại, có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận của các bên tranh chấp, trừ các tranh chấp có liên quan đến việc thực hiện quyền lực của Nhà nước.

Các cơ quan, tổ chức nêu trên hoạt động độc lập trong việc thực hiện quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị quyết của quốc hội và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Thành viên trung tâm tài chính quốc tế

3.1. Điều kiện đăng ký, công nhận và chấm dứt tư cách thành viên

3.1.1. Các tổ chức, doanh nghiệp được đăng ký làm Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế khi đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và có lĩnh 8 vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.

3.1.2. Các chủ thể sau đây có quyền đề nghị được công nhận làm Thành viên mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký.

a) Tổ chức tài chính, quỹ đầu tư hoặc doanh nghiệp thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố tại thời điểm đăng ký, hoặc công ty mẹ trực tiếp của các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp này, trừ các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

b) Các tổ chức tài chính thuộc nhóm mười doanh nghiệp hàng đầu trong nước về vốn điều lệ trong từng lĩnh vực tương ứng, trừ lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

3.2. Quyền của Thành viên và nhà đầu tư nước ngoài

3.2.1. Quyền của Thành viên:

a) Được thành lập công ty quản lý vốn (công ty holding) để huy động vốn từ nước ngoài và quản lý đầu tư, trừ trường hợp Thành viên là ngân hàng thương mại;

b) Được huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú mà không phải thực hiện thủ tục cấp phép với cơ quan quản lý nhà nước nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ;

c) Khoản nợ của Thành viên với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam không tính vào nợ nước ngoài của quốc gia trong điều hành, giám sát các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài; d) Được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú hoặc với Thành viên khác theo giấy phép hoặc đăng ký được cấp cho Thành viên đó theo quy định tại Nghị quyết này và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng khi được cấp phép thành lập mới tại Trung tâm tài chính quốc tế thì Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên;

e) Thành viên được lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (Chuẩn mực kế toán hoặc Chuẩn mực báo cáo tài chính) của các quốc gia: Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Ca-na-đa, các quốc gia thành viên liên minh châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Xinh-ga-po, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Việt Nam. Trường hợp các chủ thể đã lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán khác với Chuẩn mực kế toán Việt Nam thì không phải lập báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam;

g) Các quyền khác theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3.2.2. Nhà đầu tư nước ngoài:

a) Được sở hữu toàn bộ hoặc một phần cổ phần hoặc phần vốn góp của Thành viên;

b) Được phép thành lập tổ chức kinh tế trong Trung tâm tài chính quốc tế mà không cần phải có dự án đầu tư và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án trong Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật về đầu tư. Sau khi được thành lập, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Không phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của pháp luật về đầu tư khi thực hiện hoạt động góp vốn,

mua cổ phần hoặc mua phần vốn góp của Thành viên; chỉ thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, trừ lĩnh vực ngân hàng.

3.3. Nghĩa vụ của Thành viên

Tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Thành viên và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế; lập, nộp và công khai báo cáo tài chính; kiểm toán báo cáo tài chính và công bố thông tin theo thông lệ quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các chuẩn mực quốc tế về quản trị tài chính.

Hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam; từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan khác.

Chính phủ quy định cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam và từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế; cơ chế đặc thù đối với điều kiện tiếp cận thị trường, điều kiện tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ quy chế của Sở giao dịch hàng hóa được thành lập tại Trung tâm tài chính quốc tế về quy trình phát hành, niêm yết, giao dịch, mua lại, chuyển nhượng các công cụ tài chính khác niêm yết trên Sở giao dịch hàng hóa. Điều lệ và các quy tắc hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

Bảo đảm tiêu chuẩn thành viên trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn thành viên thì phải thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên.

Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật dữ liệu được công bố, thừa nhận áp dụng tại Việt Nam. Thành viên phải xây dựng hệ thống an toàn thông tin, mã hoá dữ liệu tài chính; chịu trách nhiệm báo cáo sự cố lộ thông tin cho Cơ quan điều hành trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4. Các sàn giao dịch và nền tảng giao dịch tại trung tâm tài chính quốc tế

4.1. Các sàn giao dịch nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế trong các lĩnh vực sau:

1. Giao dịch hàng hóa và phái sinh hàng hóa;
2. Giao dịch tín chỉ các-bon;

3. Giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật;
4. Giao dịch kim loại quý hiếm;
5. Giao dịch sản phẩm tài chính xanh;
6. Các giao dịch và loại hình nền tảng giao dịch mới khác theo nhu cầu phát triển.

4.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, minh bạch; khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Việc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch phải tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về giao dịch, thanh toán, công bố thông tin và quản trị rủi ro.

Các tổ chức thành lập sàn giao dịch, nền tảng giao dịch có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế nội bộ về niêm yết, giao dịch, thanh toán, quản lý tài sản và thành viên phù hợp với đặc điểm của từng loại hình giao dịch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thành viên đáp ứng điều kiện tham gia sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giao dịch theo quy định của sàn giao dịch, nền tảng giao dịch.

5. Chính sách đặc thù được áp dụng trong trung tâm tài chính quốc tế

Trong quá trình hoạt động trung tâm tài chính quốc tế được hưởng một số chính sách lớn sau:

1. Về chính sách ngoại hối;
2. Chính sách về hoạt động ngân hàng;
3. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn;
4. Chính sách thuế áp dụng cho Trung tâm tài chính quốc tế;
5. Chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động đối với chuyên gia, nhà quản lý và nhà đầu tư;
6. Chính sách về lao động, việc làm và an sinh xã hội;
7. Chính sách đất đai tại Trung tâm tài chính quốc tế;
8. Chính sách về xây dựng, môi trường;
9. Chính sách ưu đãi theo lĩnh vực Cơ quan điều hành được ban hành các chương trình ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy một số lĩnh vực trọng tâm;

10. Chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;
11. Chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ;
12. Chính sách về phí, lệ phí.

6. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong trung tâm tài chính quốc tế

1. Nhà đầu tư, Thành viên và các bên liên quan được sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp theo pháp luật Việt Nam.

2. Ngoài các phương thức giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này, tranh chấp giữa các Thành viên hoặc tranh chấp giữa Thành viên với nhà đầu tư ngoài Trung tâm tài chính quốc tế về hoạt động đầu tư kinh doanh trong Trung tâm tài chính quốc tế được giải quyết tại một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Trọng tài nước ngoài;
- b) Trọng tài quốc tế;
- c) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế;
- d) Trọng tài Việt Nam;
- đ) Tòa án nước ngoài;
- e) Tòa án Việt Nam.

3. Trường hợp có thỏa thuận giữa các bên liên quan bằng văn bản, tranh chấp giữa các Thành viên hoặc tranh chấp giữa Thành viên với bên khác được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế thì Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành, quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế về việc giải quyết tranh chấp là chung thẩm, có hiệu lực thi hành. Các bên tranh chấp có quyền thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hủy quyết định công nhận hoà giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế. Tòa án không giải quyết yêu cầu hủy phán quyết, quyết định của Hội đồng trọng tài khi các bên đã có văn bản thỏa thuận từ bỏ quyền này.